TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
(*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan
- Các Hội thẩm nhân dân :
  1. Bà Lê Thị Kiều Thu
  2. Bà Ung Thị Hiệp

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Minh Khuê - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 301/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 "*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2017, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc Anh T – sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn X, xã Y, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Nhật B – sinh năm 1993

Địa chỉ: số 44 Huỳnh Thúc Kháng, khu phố 4, phường K, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Anh T trình bày:

Chị Võ Thị Ngọc Anh T và anh Nguyễn Nhật B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống như vợ chồng vào khoảng năm 2010, năm 2011, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, hai người hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính, vàng nên hai người đã không còn sống chung với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con là Võ Ngọc Anh T – sinh ngày: 29/6/2011 và Võ Ngọc T, sinh ngày 15/11/2014. Hai con từ trước đến nay, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Anh B làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà sẽ không có điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/6/2017, anh Nguyễn Nhật B trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị sống với gia đình anh được một thời gian thì chị T về nhà cha mẹ ruột sinh con. Chị T tự ý lấy vàng cho chị gái mượn mà không hỏi ý kiến của anh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chia tay một thời gian. Sau đó, hai người quay lại sống với nhau và sinh bé thứ 2 được gần 2 tuổi, anh đi sài gòn làm ăn thì ở nhà chị T có người khác, anh bắt gặp và đánh chị T rồi từ đó hai người không chung sống với nhau nữa. Anh chị sống với nhau không hạnh phúc và không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: anh và chị T có 02 con là Võ Ngọc Anh T – sinh ngày: 29/6/2011 và Võ Ngọc T, sinh ngày 15/11/2014. Anh yêu cầu được nuôi con Võ Ngọc T, giao con Võ Ngọc Anh T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Anh và chị T có vài chỉ vàng cưới, hai người tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Nhật B cư trú tại khu phố 4, phường K, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

Anh Nguyễn Nhật B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, anh B đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ giữa chị Võ Thị Ngọc Anh T và anh Nguyễn Nhật B: Chị T và anh B đều xác định anh chị tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau vào khoảng năm 2010 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Và Uỷ ban nhân dân xã Y cũng xác nhận chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Xét quan hệ giữa chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2017 đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị T và anh B là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh B đều xác nhận hai người có 02 con chung là Võ Ngọc Anh T – sinh ngày: 29/6/2011 và Võ Ngọc T, sinh ngày 15/11/2014. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con, còn anh B yêu cầu được nuôi con Võ Ngọc T. Xét yêu cầu của anh B hội đồng xét xử xét thấy, cháu T hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Từ trước đến nay chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao hai con cho chị T nuôi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng*" nên yêu cầu của chị T được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị T khai, chị có đủ điều kiện nuôi các con nên chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ <u>Áp dụng</u>: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 54, 57, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử** :

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị Ngọc Anh T và anh Nguyễn Nhật B là quan hệ vợ chồng.

- ***Về con chung***: Chị Võ Thị Ngọc Anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Võ Ngọc Anh T (giới tính nữ) – sinh ngày: 29/6/2011 và Võ Ngọc T (giới tính nam), sinh ngày 15/11/2014. Chị T chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng cho các con.

Sau khi ly hôn, chị T và anh B vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 07/6/2017 chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0013452 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu nay được chuyển sang án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2017), của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ

Thaåm phaùn – Chuû toaï

Phạm Phong Lan

Nôi nhaän :
THAÅM
- Caùc ñöông söï;

phieân toaø
- Vieän kieåm saùt nhaân daân TP Phan Thieát;
- Thi haønh aùn daân söï Phan Thieát;
- Löu hồ sơ.